

Số: 488 /GPMT-UBND

Hung Yên, ngày 13 tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Sofia nội thất số 92/SOFIA ngày 09/2/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 134/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Công ty Cổ phần Sofia nội thất, địa chỉ trụ sở chính: Số 946 đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Sofia nội thất, địa chỉ: Lô CN-01-3 Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy Sofia nội thất.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-01-3 Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0103982742 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/6/2009, thay đổi lần thứ 5 ngày 21/3/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 4071645546 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 10/6/2025.

1.4. Mã số thuế: 0103982742.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (mã ngành theo VSIC 1629); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (mã ngành theo VSIC 3100).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: Tại khu đất có diện tích 9.424,87 m² thuộc lô CN-01-3 Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm C.

- Loại hình dự án không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Quy mô công suất thiết kế: Sản phẩm nội thất từ gỗ: 50.000 sản phẩm/năm, trong đó: Sản phẩm nội thất từ gỗ tự nhiên và gỗ công nghiệp thô: 20.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.200 tấn sản phẩm/năm); sản phẩm nội thất từ gỗ công nghiệp: 30.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.800 tấn sản phẩm/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất đồ gỗ nội thất từ gỗ công nghiệp đã qua chế biến: Ván MDF đã phủ melamine hoặc laminate → gia công tạo hình (cưa, xẻ, đục, tiện, bào, phay, khoan, cuốn) → dán cạnh → lắp ráp → kiểm tra, đóng gói.

+ Quy trình sản xuất đồ gỗ nội thất từ gỗ tự nhiên và gỗ công nghiệp thô: Gỗ tự nhiên đã qua xử lý và ván MDF thô, plywood phủ veneer → gia công tạo hình (cưa, xẻ, đục, tiện, bào, phay, khoan, cuốn) → chà nhám → sơn → lắp ráp → kiểm tra, đóng gói.

Chi tiết quy trình sản xuất bán thành phẩm kim loại và bán thành phẩm đệm ghế, đệm giường:

Quy trình sản xuất bán thành phẩm kim loại: Nguyên liệu kim loại → gia công (cắt, uốn, tiện, chấn, đột) → hàn → bán thành phẩm dùng cho công đoạn lắp ráp sản phẩm gỗ nội thất.

Quy trình sản xuất bán thành phẩm đệm ghế, đệm giường: {(Vải cuốn, giả da PVC, da công nghiệp, da thật đã qua xử lý → cắt → vắt sỏ → may) + (tấm xốp PU Foam → cắt → phun keo)} → bọc đệm → bắn ghim → cắt viền → kiểm tra → bán thành phẩm cho công đoạn lắp ráp ghế, giường trong quy trình sản xuất đồ gỗ nội thất.

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sofia nội thất có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

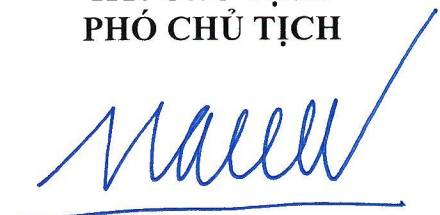
Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Ân Thi;
- Công ty TNHH phát triển công nghiệp Quang Vinh Hưng Yên;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{Tt}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1
THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 488 /GPMT-UBND ngày 13/02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Không phát sinh nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án với lưu lượng tối đa khoảng 8 m³/ngày đêm sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh để xử lý, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Đã ký Hợp đồng thuê lại đất tại Cụm công nghiệp Vân Du – Quang Vinh, tỉnh Hưng Yên số 01/2025/HĐTĐ/CCN-SOFIA ngày 19/2/2025 với Công ty TNHH phát triển công nghiệp Quang Vinh Hưng Yên; hồ sơ thỏa thuận đầu nối hạ tầng với Công ty TNHH phát triển công nghiệp Quang Vinh Hưng Yên (chủ hạ tầng Cụm công nghiệp Vân Du – Quang Vinh và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Có 04 nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà ăn (bố trí tại tầng 1 của nhà điều hành) được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ có thể tích 0,5 m³.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh của nhà bảo vệ 1 được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại có thể tích 2,8 m³.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ nhà vệ sinh của nhà điều hành được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại có thể tích 5 m³.

+ Nguồn số 04: Nước thải từ nhà vệ sinh khu xưởng sản xuất được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại có thể tích 6 m³.

Ngoài ra, còn phát sinh nước thải sản xuất từ quá trình tạo màng nước để thu hồi sơn thừa được thu gom, tuần hoàn, tái sử dụng và định kỳ thay thế, thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại.

- Hệ thống thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ các nguồn số: 01, 02 và 03 được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE D200 về hố ga thu gom chung dài 110 m.

+ Nước thải từ nguồn số 4 được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE D200 về hố ga thu gom chung dài 16 m.

Nước thải từ hố ga thu gom chung được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án bằng đường ống nhựa HDPE D200 với chiều dài khoảng 10 m.

- Hệ thống thoát nước thải:

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án công

suất 10 m³/ngày đêm được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh bằng đường ống HDPE D90 dài 20 m.

Tọa độ vị trí đầu nối nước thải của dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^o30', múi chiếu 3^o): X(m): 2304677,237; Y(m): 560762,250.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → hố thu gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: dinh dưỡng (mật rỉ đường), hóa chất khử trùng (Clo viên nén).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành, bảo dưỡng định kỳ được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án. Ghi nhật ký vận hành.

- Dự phòng trang thiết bị dễ hư hỏng để kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu, Chủ dự án khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố hoặc sử dụng các thiết bị thay thế. Trường hợp xảy ra sự cố chưa khắc phục được ngay, Chủ dự án sẽ thông báo cho Ban quản lý hạ tầng CCN và các đơn vị có chức năng phối hợp; ngừng hoạt động sản xuất không phát sinh thêm nước thải cho đến khi sự cố được giải quyết.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh. để tiếp tục xử lý; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, xử lý, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về đầu nối nước thải và các điều kiện về vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3 Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc thực hiện đấu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh. để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

3.5. Bố trí hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, lắng cặn qua hố ga trước khi đưa vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét định kỳ hố ga thu nước mưa và rãnh thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài. *2*

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 488 /GPMT-UBND ngày 13/02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn thải: Có 02 nguồn:

+ Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình gia công gỗ (02 máy cưa pannel, 03 máy cưa bàn trượt, 01 máy cưa lọng, 02 máy xẻ gỗ, 03 máy cưa vành, 01 máy khoan giàn, 02 máy phay tubi, 03 máy cuộn, 03 máy bào thắm, 02 máy đục mộng, 03 máy tiện gỗ CNC).

+ Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn pha sơn, phòng sơn và phòng sấy.

Ngoài ra, còn phát sinh bụi từ 04 bàn chà nhám gỗ được lắp đặt hệ thống thu hồi bụi, thải ra môi trường nhà xưởng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Khí thải sau hệ thống xử lý bụi trung tâm từ quá trình gia công gỗ

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi trung tâm từ quá trình gia công gỗ thuộc Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3⁰):
 X(m): 2304614,163 ; Y(m): 560712,016.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 55.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Cường bức.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm	Tần suất quan trắc môi trường định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤100		

2.2. Khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ từ công đoạn pha sơn, sơn và sấy

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí hơi dung môi hữu cơ từ công đoạn pha sơn, sơn và sấy thuộc Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):
X(m): 2304651,865; Y(m): 560752,871.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 80.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Cường bức.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm	Tần suất quan trắc môi trường định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	1 năm/lần	Không thuộc đối tượng
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC)	mg/Nm ³	≤100		
3	Toluen	mg/Nm ³	≤50		
4	Xylen	mg/Nm ³	≤150		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Dòng 1: Khí thải phát sinh từ 02 máy cưa pannel, 03 máy cưa bàn trượt, 01 máy cưa lọng, 02 máy xẻ gỗ, 03 máy cưa vành, 01 máy khoan giàn, 02 máy phay tubi, 03 máy cuốn, 03 máy bào thẩm, 02 máy đục mộng, 03 máy tiện gỗ CNC được bố trí 22 họng hút thu về hệ thống xử lý bụi trung tâm để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Dòng 2: Khí thải phát sinh từ công đoạn pha sơn, sơn và sấy được thu gom về hệ thống xử lý khí hơi dung môi hữu cơ từ công đoạn pha sơn, sơn và sấy để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Ngoài ra, còn 04 bàn chà nhám có kèm thiết bị thu hồi bụi, thải ra môi trường nhà xưởng, quy trình: Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám → thiết bị thu hồi bụi bên trong có lắp cụm lõi lọc Cartridge Ultra Nano → quạt hút → khí sạch ra môi trường nhà xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi trung tâm từ quá trình gia công gỗ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ quá trình gia công gỗ → ống hút → hệ thống đường ống thu gom → Cyclon lọc bụi → buồng lọc bụi bên trong có lắp thiết bị lọc bụi túi vải → quạt hút → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột C thải ra môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 55.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Thiết bị lọc bụi túi vải.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí hơi dung môi hữu cơ từ công đoạn pha sơn, sơn và sấy

- Tóm tắt quy trình công nghệ: {(Khí thải phát sinh tại 05 buồng phun sơn → 05 màng nước → hệ thống đường ống dẫn) + (khí thải tại 01 phòng sấy và khu vực pha sơn → đường ống thu gom)} → tháp hấp phụ (than hoạt tính) → quạt hút → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột C thải ra môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 80.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành, bảo dưỡng định kỳ được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải của Dự án.

- Theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên tình trạng vận hành của các công trình xử lý khí thải để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Trường hợp xảy ra sự cố, phải dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải vận hành đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Hệ thống xử lý bụi trung tâm từ quá trình gia công gỗ

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 8/2027 đến tháng 1/2028.

- Vị trí lấy mẫu: Ống thải sau hệ thống xử lý bụi trung tâm từ quá trình gia công gỗ.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số ô nhiễm: Lưu lượng, Bụi (PM).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Hệ thống xử lý khí hơi dung môi hữu cơ từ công đoạn pha sơn, sơn và sấy

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 8/2027 đến tháng 1/2028.

- Vị trí lấy mẫu: Ống thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn sơn.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số ô nhiễm: Lưu lượng, Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC), Toluene, Xylen.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C.


- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường. 

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 488 /GPMT-UBND ngày 13/ 02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Có 04 nguồn:

- + Nguồn số 1: Hoạt động của máy phát điện dự phòng
- + Nguồn số 2: Hoạt động các thiết bị máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty.
- + Nguồn số 3: Hoạt động của hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ từ công đoạn sơn của công ty.
- + Nguồn số 4: Hoạt động của hệ thống thu hồi bụi trung tâm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

QCVN 26:2025/BNNMT			Ghi chú
Ngày (06h đến trước 18h (dBA))	Tối (18h đến trước 22h) (dBA)	Đêm (22h đến trước 06h) (dBA)	Khu vực E: Thời gian áp dụng trong ngày
70 dbA	65 dBA	60 dBA	

Ghi chú: Khu vực E: Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật.

2.2. Độ rung

QCVN 27:2025/BNNMT		Ghi chú
Ban ngày (06h đến trước 22h (dB))	Đêm (22h đến trước 06h) (dA)	Khu vực D: Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB
75	70	

Ghi chú: Khu vực D: Khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm giảm ồn, chống rung cho hệ thống máy móc, thiết bị; thường xuyên tiến hành việc kiểm tra, bảo trì hệ thống máy móc, thiết bị.

- Trang bị cho công nhân vận hành các phương tiện bảo hộ lao động như nút bịt tai, quần áo bảo hộ ở khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Trồng cây xanh trên diện tích trong khuôn viên nhà máy và dọc tuyến đường nội bộ đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy định.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định. *vj*

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 488 /GPMT-UBND ngày 13/02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Dầu mỡ bôi trơn động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp chất thải	17 02 03	150
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	20
3	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	130
Tổng			300

1.2. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia, thùng đựng keo...)	18 01 03	250
2	Bao bì kim loại cứng thải (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia, thùng đựng keo...)	18 01 02	220
3	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu gỗ thừa có các thành phần nguy hại	09 01 01	756
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, vải, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại và màng lọc bụi sơn thải)	18 02 01	300
5	Cặn sơn, sơn dư và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc có thành phần nguy hại khác	08 01 01	200
6	Mực in thải	08 02 01	7
7	Hộp chứa mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	10
8	Bùn thải lẫn sơn hoặc véc ni (loại có dung môi	08 01 02	500

	hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) (từ công đoạn xử lý bụi, khí thải từ buồng sơn nước)		
	Tổng		2.243

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng
1	Phụ kiện thừa hỏng; giấy nhám thải; da vụn, vải vụn, tấm xốp thừa, chỉ thừa, ...	kg/năm	700
2	Pallet thải; giấy vụn phòng; bao bì thừa	kg/năm	200
3	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẫu, gỗ thừa, ván, gỗ dán vụn thải, bụi gỗ sau hệ thống xử lý bụi không dính thành phần nguy hại	kg/năm	8.880
4	Bavia kim loại không dính thành phần nguy hại	kg/năm	1.500
5	Bùn thải từ hệ thống bể phốt và hố ga thoát nước	kg/năm	1.000
	Tổng	kg/năm	12.280

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

15 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Do Chủ dự án không thực hiện thuê đơn vị có chức năng lấy mẫu, phân tích để phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát là chất thải rắn công nghiệp thông thường hay chất thải nguy hại nên chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát được quản lý, kiểm soát như chất thải nguy hại.

- Thiết bị lưu chứa: 10 thùng bằng nhựa HDPE dung tích 240 lít/thùng.

- Khu lưu giữ: Diện tích 7 m²; thiết kế: mái che, tường bao, nền đổ bê tông láng phẳng bề mặt, xung quanh có gờ và rãnh nhằm phòng ngừa sự cố chảy, tràn và đổ chất thải nguy hại dạng lỏng; gắn nhãn hiệu cảnh báo và bố trí các thiết bị PCCC theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Thiết bị lưu chứa chất thải rắn thông thường: 5 thùng nhựa cứng HDPE dung tích 250 lít/thùng, các bao bì mềm, bao bì nilon.

- Khu lưu giữ: Diện tích 17,5 m²; thiết kế: mái che, tường bao, nền đổ bê tông láng phẳng bề mặt tránh nước mưa chảy tràn qua, gắn biển cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 05 thùng dung tích 250 lít, các bao bì nilon.

- Khu lưu giữ: Chung với kho lưu giữ chất thải rắn thông thường.


B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. 

Phụ lục 5**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 488/GPMT-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chỉ đưa dự án đi vào hoạt động khi Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Vân Du - Quang Vinh hoàn thiện hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung và được cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

2. Thường xuyên rà soát quy trình, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, vận hành hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn vệ sinh môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, an toàn hóa chất, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./. *2*
